

Số: 37/2022/QĐST- HNGĐ

Kim Động, ngày 15 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy
bA. Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ Việc dân sự thụ lý số 66/2022/TLST-HNGĐ
ngày 17 tháng 10 năm 2022, Về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và
thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- A.h Trần Thiện T., sinh năm 1994;

HKTT: Số 62 đường Tân Hưng, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động,
tỉnh Hưng Yên.

- Chị Hoàng Thu H., sinh năm 1994;

HKTT: Số 62 đường Tân Hưng, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động,
tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện nay: Số 29, ngõ 54, thôn Vàng, xã Cổ Bi, huyện Gia
Lâm, thành phố Hà Nội.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA.: Cháu Trần H. A., sinh ngày
16/10/2020; HKTT: Số 62 đường Tân Hưng, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim
Động, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện nay: Số 29, ngõ 54, thôn Vàng, xã Cổ Bi,
huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện cho cháu Trần H. A. là: A.h Trần Thiện T. và chị Hoàng
Thu H. (là cha mẹ đẻ của cháu A.).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quA. hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thu H. và A.h Trần Thiện T. kết
hôn trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị
trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống,

vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. A.h, chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của A.h, chị là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[2] Về con chung: Chị H. và A.h T. có 01 con chung là cháu Trần H. A., sinh ngày 16/10/2020. Hiện nay cháu A. đA.g ở với chị H.. QuA. điểm của A.h chị, nếu vợ chồng ly hôn giao cho chị H. được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu A. đến khi cháu A. thành niên hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. A.h T. tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2022 và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Xét sự tự nguyện thỏa thuận của A.h chị không trái pháp luật nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng cA.h tác: A.h T. và chị H. đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: A.h Trần Thiện T. tự nguyện nộp lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[5] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quA. hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa A.h Trần Thiện T. và chị Hoàng Thu H..

- Về con chung: A.h T. và chị H. có 01 con chung là cháu Trần H. A., sinh ngày 16/10/2020. Hiện nay cháu A. đA.g ở với chị H.. Giao cho chị H. được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu A. đến khi cháu A. thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của A.h T. cấp dưỡng cho cháu A. số tiền là 3.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu A. thành niên (đủ 18 tuổi). A.h T. được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, Cơ quA. thi hành án ra quyết định thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người phải thi hành án không thi hành án thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ và ruộng cA.h tác: A.h T. và chị H. đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: A.h Trần Thiện T. tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0002657 ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động. A.h T. đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bA. hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TA.D tỉnh;
- VKSND + THA huyện;
- UBND thị trấn Lương Bằng (GCN số 22, ngày 30/4/2020);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương

